



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
MTV GROUP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 001./QĐ-MTV

TP Hồ Chí Minh, ngày 01.. tháng 01.. năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Bảng giá dịch vụ của Công ty Cổ phần
Đầu tư MTV Group Việt Nam áp dụng đối với tài sản là Bất động sản

☆☆☆☆☆

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MTV GROUP VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0318680928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư MTV Group Việt Nam lần đầu ngày 24/09/2024;
- Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư MTV Group Việt Nam – MTV Group, ký ngày 05/09/2024;
- Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư MTV Group Việt Nam;
- Xét đề nghị của Giám đốc Khối kinh doanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng giá dịch vụ thẩm định giá áp dụng đối với tài sản là Bất động sản”

Điều 2: Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Khối kinh doanh sẽ đề xuất/điều chỉnh mức thu tiền dịch vụ phù hợp với tình hình hoạt động thực tiễn từ các đối thủ cạnh tranh và các mối quan hệ phát sinh từ thị trường/địa bàn tài sản định giá.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban điều hành, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trên toàn hệ thống MTV Group chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TV HĐQT đề b/c;
- Lưu: VT, VP TGD, K.KD;



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN DUY

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI

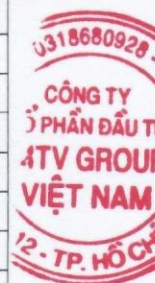
BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 001../2025/QĐ/TGD/MTV ngày 01 tháng 01 năm 2025 của
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư MTV Group Việt Nam)

Điều 1: Điều khoản chung và bảng giá dịch vụ:

- Bảng giá dịch vụ của Công ty Cổ phần Đầu tư MTV Group Việt Nam là căn cứ tính giá dịch vụ báo giá và ký Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá được ký kết giữa MTV Group với khách hàng.
- Bảng giá dịch vụ thẩm định giá này được áp dụng đối với thẩm định giá Bất động sản: Đất đai – Quyền sử dụng đất và Nhà cửa/Công trình xây dựng trên đất - Tài sản gắn liền với đất), như sau:

STT	GIÁ TRỊ ĐỊNH GIÁ (ĐVT: đồng)		TỶ LỆ (%)	THÀNH TIỀN (ĐVT: đồng)	
				Min	Max
1	1,000,000,000.00	3,000,000,000.00	0.450	4,500,000.00	13,500,000.00
2	3,000,000,000.00	6,000,000,000.00	0.420	12,600,000.00	25,200,000.00
3	6,000,000,000.00	10,000,000,000.00	0.375	22,500,000.00	37,500,000.00
4	10,000,000,000.00	13,000,000,000.00	0.323	32,250,000.00	41,925,000.00
5	13,000,000,000.00	16,000,000,000.00	0.312	40,560,000.00	49,920,000.00
6	16,000,000,000.00	20,000,000,000.00	0.300	48,000,000.00	60,000,000.00
7	20,000,000,000.00	25,000,000,000.00	0.270	54,000,000.00	67,500,000.00
8	25,000,000,000.00	30,000,000,000.00	0.255	63,750,000.00	76,500,000.00
9	30,000,000,000.00	35,000,000,000.00	0.248	74,250,000.00	86,625,000.00
10	35,000,000,000.00	40,000,000,000.00	0.240	84,000,000.00	96,000,000.00
11	40,000,000,000.00	45,000,000,000.00	0.233	93,000,000.00	104,625,000.00
12	45,000,000,000.00	50,000,000,000.00	0.225	101,250,000.00	112,500,000.00
13	50,000,000,000.00	55,000,000,000.00	0.218	108,750,000.00	119,625,000.00
14	55,000,000,000.00	60,000,000,000.00	0.210	115,500,000.00	126,000,000.00
15	60,000,000,000.00	65,000,000,000.00	0.203	121,500,000.00	131,625,000.00
16	65,000,000,000.00	70,000,000,000.00	0.195	126,750,000.00	136,500,000.00
17	70,000,000,000.00	75,000,000,000.00	0.188	131,250,000.00	140,625,000.00
18	75,000,000,000.00	80,000,000,000.00	0.180	135,000,000.00	144,000,000.00
19	80,000,000,000.00	85,000,000,000.00	0.173	138,000,000.00	146,625,000.00
20	90,000,000,000.00	95,000,000,000.00	0.165	148,500,000.00	156,750,000.00
21	95,000,000,000.00	100,000,000,000.00	0.150	142,500,000.00	150,000,000.00
22	100,000,000,000.00	200,000,000,000.00	0.143	142,500,000.00	285,000,000.00
23	200,000,000,000.00	500,000,000,000.00	0.135	270,000,000.00	675,000,000.00
24	500,000,000,000.00	1,000,000,000,000.00	0.128	637,500,000.00	1,275,000,000.00



25	>	1,000,000,000,000.00	Thỏa thuận
----	---	----------------------	------------

Điều 2: Điều kiện áp dụng bảng giá dịch vụ thẩm định giá Bất động sản:

1. Bảng giá dịch vụ thẩm định giá trên chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của Nhà nước.
2. Bảng giá dịch vụ thẩm định giá này chỉ áp dụng đối với các mục đích thẩm định giá thông thường và tài sản phổ biến trên thị trường, có cự ly thẩm định từ Trung tâm tỉnh/thành phố đến nơi tài sản thẩm định trong bán kính không quá 50km. Không áp dụng cho mục đích tố tụng, thanh lý tài sản để thu hồi nợ hoặc thi hành án.
3. Bảng giá dịch vụ thẩm định giá này được áp dụng đối với phát hành chứng thư, báo cáo bằng tiếng Việt với số lượng thông thường. Nếu phát hành bằng tiếng Anh hoặc song ngữ Anh - Việt thì Công ty chúng tôi sẽ thu thêm phí dịch thuật theo quy định tại thời điểm thực hiện.

Điều 3: Thẩm quyền giảm phí bảng giá dịch vụ thẩm định giá Bất động sản:

1. Tổng Giám đốc MTV Group được quyền giảm tối đa 50% bảng giá dịch vụ thẩm định giá Bất động sản trên.
2. Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh MTV Group được quyền giảm tối đa 20% bảng giá dịch vụ thẩm định giá Bất động sản trên.
3. Giám đốc Khối kinh doanh MTV Group được quyền giảm tối đa 10% bảng giá dịch vụ thẩm định giá Bất động sản trên.
4. Các trường hợp đặc biệt là khách hàng đối tác lớn/tiềm năng mang lại lợi ích và hợp tác lâu dài với MTV Group trình các cấp có thẩm quyền quyết định.



Nguyễn Văn Duy

